

# PHÂN TÍCH NHẬN THỨC VÀ THÁI ĐỘ CỦA SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI PHƯƠNG PHÁP SỰ PHẠM DỰA TRÊN THỂ LOẠI ĐƯỢC PHÁT TRIỂN TRONG BÀI VIẾT THUYẾT PHỤC GÓC NHÌN NGÔN NGỮ HỌC CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

*Khiếu Thị Hương\**  
*Email: kthuong@uneti.edu.vn*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/09/2023

Ngày phản biện đánh giá: 10/04/2024

Ngày bài báo được duyệt đăng: 25/04/2024

DOI: 10.59266/houjs.2024.386

**Tóm tắt:** Một số ít nghiên cứu trước đây về phương pháp sự phạm dựa trên thể loại đã tập trung vào tác động của nó đối với nhận thức và thái độ của sinh viên (SV), đây thực sự là những yếu tố quan trọng trong hoạt động dạy và học. Nghiên cứu nhằm mục đích khảo sát chủ đề này một cách chi tiết. “Nhận thức và thái độ của SV đối với phương pháp sự phạm dựa trên thể loại được phát triển trong các bài viết thuyết phục của SV đại học Việt Nam là gì?” là chủ đề nghiên cứu mà nhà nghiên cứu mong muốn thực nghiệm này hướng tới. Một bảng câu hỏi thang đo Likert 4 điểm và một cuộc phỏng vấn đã được sử dụng để thu thập dữ liệu từ 34 SV năm thứ 3 Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI) tham gia nghiên cứu. Sau khi phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu kết luận rằng phần lớn SV có ý kiến tích cực về từng mục câu hỏi và đánh giá cao kỹ thuật giảng dạy dựa trên thể loại từ sáu khía cạnh sau: sự tự tin để viết một bài luận thuyết phục hiệu quả, sự thành thạo về các yếu tố văn bản, nhận thức về thể loại có tính thuyết phục, thái độ đối với cách viết nhóm trong giảng dạy, sự quan tâm đến việc mở rộng chu trình chương trình giảng dạy sang các thể loại khác và các nhận xét khác liên quan đến việc chương trình giảng dạy, chẳng hạn như khó khăn trong việc nắm vững một số đặc điểm ngôn ngữ cần thiết và tuân thủ đến các mô hình giảng dạy liên quan đến việc xây dựng văn bản thuyết phục.

**Từ khóa:** Nhận thức; thái độ; ngôn ngữ học chức năng theo hệ thống; ấn tượng và phương pháp sự phạm dựa trên phân loại.

---

\* Trường đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

## I. Mở đầu

Kỹ năng viết chưa bao giờ là việc dễ dàng trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh là ngôn ngữ thứ 2 (EFL) và tiếng Anh chuyên ngành (ESL), mặc dù cả giảng viên (GV) và SV đều đầu tư rất nhiều thời gian và công sức vào việc viết (William, 2007, trang 12). Trong khi viết rất quan trọng để người học ngoại ngữ tiến bộ, như Raimes (1983) đã lưu ý, thì viết cũng hỗ trợ việc học (tr.19). Các học giả và nhà giáo dục luôn khám phá ra những phương pháp viết đa dạng và các lý thuyết trải qua nhiều giai đoạn phát triển. Bắt nguồn từ những năm 1960, phương pháp sản phẩm nhấn mạnh vào tính chính xác của hình thức cho rằng, việc học là kết quả của việc hình thành thói quen (Silva, 1990). Phương pháp dựa trên thể loại, cụ thể là thông qua “chu trình chương trình giảng dạy” thường được sử dụng trong giảng dạy trên lớp, nhấn mạnh vào việc viết nhóm và giảng dạy rõ ràng về quản lý các mô hình cấu trúc chung cũng như các đặc điểm ngữ pháp từ vựng của một thể loại nhất định. “Nhận thức và thái độ của SV đối với phương pháp sư phạm dựa trên thể loại được phát triển trong bài viết thuyết phục của SV đại học ở Việt Nam nói chung, và tại Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp (UNETI) là gì?” là câu hỏi nghiên cứu được đặt ra bởi nghiên cứu hiện tại dựa trên những phát hiện này nhằm tìm hiểu nhận thức của SV về kỹ thuật viết phổ biến này trong môi trường EFL và đưa ra những gợi ý cho giảng dạy đồng thời đánh giá bài viết tiếng Anh của SV ở Việt Nam nói chung, ở UNETI nói riêng.

## II. Cơ sở lý thuyết

Ý tưởng trung tâm một lý thuyết về ngôn ngữ là chức năng ngôn ngữ. Đối với

phân tích diễn ngôn và các ứng dụng ngôn ngữ học khác, nó là hệ thống toàn diện và thực tế nhất hiện có. Dự án Trường học Sydney ở Úc được ghi nhận là nơi đầu tiên phát triển phương pháp dựa trên thể loại để cung cấp thông tin. Nỗ lực này được thực hiện bằng cách sử dụng mẫu do Bernstein (1975) phát triển để phân tích phương pháp sư phạm tiến bộ thông thường và phác thảo các chi tiết của nó. Sau đó, dự án lan rộng sang các hệ thống giáo dục khác của Úc và được triển khai trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, cộng đồng, đại học và tiểu học cho cả SV ESL và EFL cũng như người nói tiếng Anh bản xứ.

Theo nhiều nghiên cứu về cách tiếp cận thể loại dựa trên lý thuyết về ngôn ngữ, khả năng viết theo thể loại của SV đã được cải thiện; chiến lược này đã giúp SV nhận thức được cấu trúc chung. Ví dụ, Chen và Su (2012) và Feez (2002) nhận thấy rằng phương pháp này cải thiện kỹ năng tóm tắt của người học, đặc biệt trong việc tổ chức các cấu trúc văn bản tường thuật. Theo một số nghiên cứu bổ sung về việc dạy và học dựa trên thể loại ngôn ngữ, khả năng hiểu của SV về liên kết logic - ngữ nghĩa đã được cải thiện. Syarifah và Gunawan (2015) ghi nhận những cải thiện về khả năng viết văn bản thuộc thể loại tranh luận của sáu người học EFL. Mô hình chu trình đặc biệt nâng cao các đặc điểm ngôn ngữ, chức năng xã hội và cấu trúc sơ đồ. Ví dụ, Viriya và Wasanasomsithi (2017) đã sử dụng chu trình giảng dạy trong thời gian 12 tuần của khóa học viết. Những SV này được kỳ vọng sẽ tạo ra một văn bản thuộc thể loại mang tính thông tin và thuyết phục. Tuy nhiên, quan điểm về sự hiểu biết của người học về mối liên hệ

giữa người đọc, người viết và những gì họ nên viết lại không tăng lên đáng kể. Theo Viriya và Wasanasomsithi (2017), những SV này nhận ra rằng GV của họ sẽ là khán giả duy nhất của họ - tức là người đọc văn bản - bởi vì cộng đồng diễn ngôn của họ nằm trong lớp học. Do đó, nhận thức về sự tương tác giữa người đọc và người viết không tăng lên đáng kể trong phần hậu nhiệm vụ. Tóm lại, nghiên cứu trước đó đã khám phá nhiều thể loại khác nhau và ghi lại cách giảng dạy thể loại giúp SV viết hiệu quả hơn trên nhiều thể loại. Kết luận: Cả hai lĩnh vực lý thuyết và thực nghiệm đều đã xem xét kỹ lưỡng tác động của phương pháp sư phạm thể loại đối với việc giảng dạy.

### **III. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng tham gia**

Đối tượng nghiên cứu là SV chuyên ngành tiếng Anh của UNETI. Mẫu được chọn theo phương pháp lấy mẫu tiếp cận. 34 SV UNETI trình độ b2 năm 3 đã được chọn làm mẫu cho nghiên cứu từ một lớp học do nhà nghiên cứu ở khoa tiếng Anh thực hiện. Họ được chia thành sáu nhóm, mỗi nhóm gồm 5 hoặc 6 SV để tham gia vào các bài tập học tập khác nhau. Chương trình giảng dạy thử nghiệm kéo dài một học kỳ từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 12 năm 2023.

#### **3.2. Công cụ nghiên cứu**

Công cụ nghiên cứu trong bảng câu hỏi sử dụng định lượng và trong phỏng vấn là công cụ định tính. Để tránh việc SV chọn số “3” trung lập, bảng câu hỏi sử dụng thang đo Likert 4 điểm nhằm đánh giá nhận thức của SV tham gia về từng mục. Nói một cách chính xác, 1 biểu thị rất không đồng ý, 2 không đồng ý, 3 đồng

ý và 4 rất đồng ý. SV được phép truy cập vào cả hai phiên bản tiếng Việt và tiếng Anh của bảng câu hỏi để giúp SV hiểu rõ các câu hỏi trong đó và thu thập dữ liệu.

Một cuộc phỏng vấn thực hiện bằng tiếng Anh để tìm hiểu xem SV có nhận xét gì khác về chương trình giảng dạy ngôn ngữ Anh nhằm cung cấp dữ liệu chi tiết hơn hỗ trợ cho các câu trả lời bảng câu hỏi. SV đã được chọn phỏng vấn tham gia một mẫu ngẫu nhiên để bổ sung thêm thông tin và hỗ trợ cho kết quả của bảng câu hỏi.

#### **3.3. Quy trình nghiên cứu**

##### **3.3.1. Giai đoạn một: Điều tra theo bối cảnh**

Xây dựng kiến thức và hỗ trợ viết bao gồm hai thành phần. Ở đây, GV trình bày chủ đề và thể loại dự kiến. Sau đó, GV lên kế hoạch cho một số bài tập học ngôn ngữ để giúp SV làm quen với chủ đề này, như: Thảo luận nhóm, động não, chia sẻ suy nghĩ theo cặp, bài tập giải quyết vấn đề, bài tập ghép hình và bài tập nghiên cứu, có thể được sử dụng cho nhiều hoạt động khác nhau, chẳng hạn như viết có hướng dẫn, hợp tác và viết độc lập SV.

##### **3.3.2. Giai đoạn hai: Phân tích văn bản**

Thông qua các bài tập luyện viết, GV trình bày các loại văn bản mẫu mà SV đang học cách sử dụng, chẳng hạn như các đặc điểm văn bản có tính thuyết phục và mục đích xã hội. Cụ thể hơn, có ba siêu chức năng của lý thuyết ngôn ngữ cung cấp cái nhìn sâu sắc về cấu trúc văn bản chung, các thuộc tính ngôn ngữ đặc biệt (đặc biệt là các khía cạnh từ vựng - ngữ pháp) và lý do căn bản cho việc lựa chọn các hình thức ngôn ngữ độc đáo. Bằng cách cung cấp cho SV phương pháp giảng

dạy cụ thể ở giai đoạn này, người hướng dẫn chứng minh cho họ thấy một cách rõ ràng và có hệ thống bối cảnh trong đó một văn bản được sử dụng định hình ý nghĩa của nó như thế nào và cấu trúc văn bản thống nhất những ý nghĩa đó như thế nào cũng như cách các ý nghĩa trong văn bản được mã hóa trong ngữ pháp từ vựng.

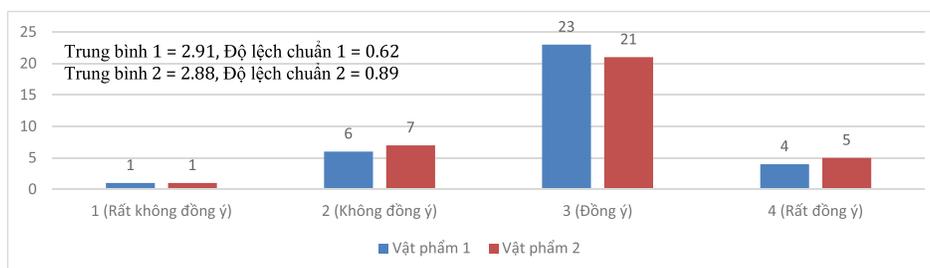
### 3.3.3. Giai đoạn ba: Hướng dẫn giảng dạy và xây dựng do GV hướng dẫn

Việc áp dụng những gì đã học ở giai đoạn thứ hai là điều quan trọng mà SV phải làm vào thời điểm này. Hướng dẫn thực hành và chung tay xây dựng là hai bước tạo nên quá trình này. Thực hành có hướng dẫn là ưu tiên hàng đầu. Theo mẫu đặc điểm văn bản thuyết phục mà họ đã sử dụng trong giai đoạn giảng dạy cụ thể, GV phát cho SV các bài viết giống nhau và hỗ trợ SV thảo luận, phân tích các mẫu hình cũng như đặc điểm ngôn ngữ. Xây dựng hướng dẫn là giai đoạn thay thế.

### 3.3.4. Giai đoạn 4: Xây dựng nhóm khép kín

Tại thời điểm này SV nắm quyền sở hữu bố cục của văn bản. SV được chia thành các nhóm có trình độ hỗn hợp và được giao nhiệm vụ tạo ra một sản phẩm hợp tác về một chủ đề vừa khác biệt vừa liên quan chặt chẽ đến lĩnh vực và thể loại trong giai đoạn ba. GV có thể cung cấp cho SV những nhận xét cụ thể về cách chuẩn bị thảo luận và văn bản cuối cùng

#### 4.1.2. Những phát hiện



Hình 1: Tự đánh giá khả năng nhận biết thành phần văn bản

trong quá trình tạo nhóm. Trong một học kỳ, tổng cộng 30 giờ, 15 tuần được dành cho phương pháp giảng dạy thử nghiệm. Thực hiện bằng cách sử dụng các môn học thay thế cho ba vòng của chu trình giảng dạy được mô tả ở trên. Một cuộc phỏng vấn và khảo sát bằng bảng câu hỏi đã được thực hiện sau giờ học, để tìm hiểu nhận thức của SV về phương pháp giảng dạy theo kế hoạch.

## IV. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Kết quả

#### 4.1.1. Thu thập và phân tích dữ liệu

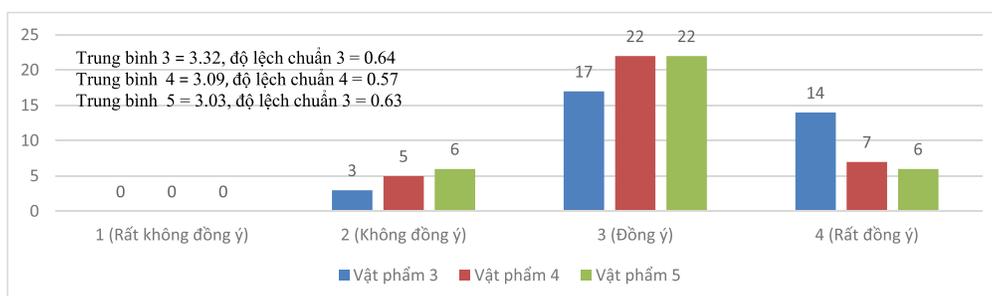
Sau khi thử nghiệm kết thúc, GV tiến hành một cuộc phỏng vấn và khảo sát bằng bảng câu hỏi để thu thập dữ liệu. Mỗi người trong số 34 SV tham gia nghiên cứu bắt buộc phải hoàn thành cuộc khảo sát. Các nhà nghiên cứu yêu cầu sự hợp tác tự nguyện của SV tham gia và đảm bảo tính bí mật của họ để thu thập dữ liệu chính xác và đáng tin cậy. Toàn bộ số lượng khảo sát thu thập được là 34. Sau đó, các chương trình máy tính sẽ tính toán và kiểm tra các con số cũng như tỷ lệ phần trăm cho mỗi câu trả lời cho mỗi câu hỏi trong bảng câu hỏi. Theo nghiên cứu của Viriya và Wasanasomsithi (2017), để bổ sung thêm chi tiết, phân tích nội dung được sử dụng để kiểm tra dữ liệu phỏng vấn thu thập từ SV tham gia trong một mẫu.

Bảng câu hỏi đề cập sáu khía cạnh khác nhau và kết quả phỏng vấn trong nghiên cứu này: (1) Mức độ thông thạo của SV với yếu tố văn bản thuyết phục, bao gồm việc đánh giá khả năng nhận biết các cấu trúc và đặc điểm chung của ngôn ngữ và soạn bài luận thuyết phục theo hướng dẫn của GV cho các câu hỏi Sản phẩm từ 1 đến 5. (2) Bảng cách đánh giá khả năng thuyết phục trả lời câu hỏi mục sáu, họ có thể xác định xem họ có biết về thể loại hay không. (3) Sự đảm bảo của họ trong việc đưa ra lập luận thuyết phục cho câu hỏi số bảy.

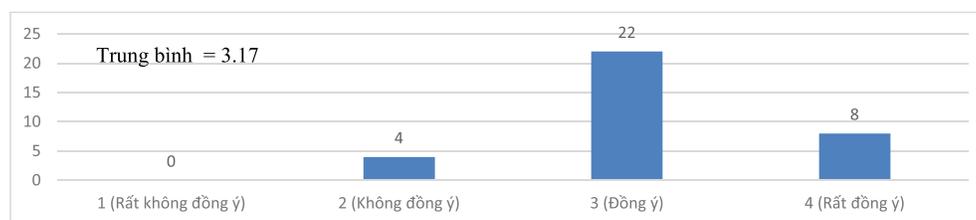
Bảng câu hỏi bao gồm năm mục liên quan đến việc nắm vững các đặc điểm văn bản, có thể được chia thành 2 loại: Mục từ 1 đến 2 đánh giá năng lực của SV trong việc nhận biết và đánh giá các yếu tố văn bản, trong khi mục từ 3 đến 5 đánh giá

khả năng sử dụng các khía cạnh đó của SV trong văn bản của họ.

Qua hình 1 cho thấy, phần lớn SV tự đánh giá là có khả năng nhận biết các yếu tố thuyết phục trong văn bản theo khía cạnh thứ nhất. Khi đọc những bài viết có tính thuyết phục, mục đầu tiên “Tôi có thể dễ dàng tìm thấy các cấu trúc chung” - đề cập đến khả năng làm việc đó của họ. Phần lớn SV tin rằng họ có thể nhận ra khuôn khổ thuyết phục chung một cách tương đối dễ dàng. Trong số SV chọn phát biểu, 23 ý kiến chọn đồng ý (chiếm 67,6%), trong khi 4 ý kiến chọn hoàn toàn đồng ý (chiếm 11,8%). Chỉ có 1 SV không đồng ý mạnh mẽ trong số 6 SV, chiếm 20,5% mẫu. Điều đó có nghĩa là, khoảng 80% tin rằng giờ đây họ có thể dễ dàng xác định khuôn khổ chung cho việc thuyết phục.



Hình 2: Tự đánh giá khả năng sử dụng thành phần văn bản trong bài viết



Hình 3: Sự tự tin khi viết một bài luận thuyết phục

Mục thứ hai kiểm tra khả năng tự đánh giá của các SV về khả năng nhận biết các đặc điểm ngôn ngữ có tính thuyết phục: “Em có thể chỉ ra các đặc điểm quan trọng của ngôn ngữ như diễn từ chung, các

loại động từ, từ đánh giá, động từ phụ trợ, từ nối, v.v.. khi đọc các loại văn bản thuyết phục”. 5 SV hoàn toàn đồng ý với nội dung này (chiếm 14,7%), trong khi 21 SV đồng ý với nội dung đó (chiếm 61,8%).

Về chủ đề này, chỉ có 8 SV không đồng tình hoặc phản đối gay gắt (chiếm 23,5%). Khi viết thuyết phục, phần lớn (hơn 75%) cho rằng họ có thể dễ dàng phân tích được khía cạnh ngôn ngữ.

Đối với khía cạnh tự đánh giá xem SV có thể viết những bài thuyết phục hiệu quả hay không bằng cách làm theo những đặc điểm văn bản được trình bày trong hướng dẫn giảng dạy. Mục ba và năm nghiên cứu khía cạnh này về khả năng của SV: Mục ba về khả năng lập kế hoạch thuyết phục; Mục bốn về khả năng sử dụng các đặc điểm văn bản trong các bài viết thuyết phục; Mục năm về khả năng sửa lại bài viết theo đặc điểm của văn bản. Hình 2 cho thấy hầu hết các câu trả lời cho 3 câu hỏi đều thể hiện sự đồng tình mạnh mẽ. Phương tiện cho mỗi mục trong số 3 mục này đều khá cao và SV rất đồng tình với những mục này. Cụ thể, ở mục 3 “Trước khi viết một bài luận thuyết phục, em có thể viết dàn ý/khuôn khổ dàn dựng của bài viết”, chỉ có 3 SV không đồng ý (chiếm 8,8%), 17 SV đồng tình (chiếm 50%) và 14 SV hoàn toàn đồng ý (chiếm 41,2%) với ý kiến này. Nghĩa là, hơn 90% SV cho rằng họ có thể viết được một khung kế hoạch hiệu quả, với những điểm chính nằm ở tính thuyết phục. Sau đó, ở mục 4 “Tôi có thể viết một bài luận thuyết phục theo quy ước mà chúng ta đã nói đến khi học trên lớp”, chỉ có 5 SV (14,7%) tỏ ra không đồng tình, không có SV nào tỏ ra không đồng tình nhiều, 22 SV (64,70%) đồng ý rằng họ có thể làm được về viết khung kế hoạch và thậm chí có 7 SV (20,60%) còn thể hiện sự đồng tình mạnh mẽ. Cuối cùng, đối với mục 5 “Em có thể sửa lại nội dung, cấu trúc và ngôn ngữ bài viết của mình theo bảng kiểm tra để có bài

viết thuyết phục do GV cung cấp”, có 28 SV tỏ ra rất đồng tình và đồng tình (chiếm 82,3%), chỉ có 6 SV (chiếm 17,6%) cho rằng không thể làm được, không có SV nào bày tỏ sự phản đối mạnh mẽ.

Mục thứ bảy, “Sau buổi hướng dẫn học kỳ này, em tự tin viết được một bài viết thuyết phục hiệu quả”, kiểm tra khả năng viết bài thuyết phục theo hướng dẫn của SV. Hình 4 cho thấy, sau bài học gần 90% trong số 30 SV cảm thấy đủ năng lực để đưa ra lập luận thuyết phục. Giá trị trung bình của phần này cũng khá cao. 30 SV thể hiện sự đồng ý hoặc đồng ý mạnh mẽ, chỉ có 4 SV thể hiện sự phản đối (chiếm 11,80%).

## 4.2. Thảo luận

### 4.2.1. Tự đánh giá cao về khả năng nắm vững đặc điểm văn bản sau khi học của SV

Hình 1 và 2 ở trên cho thấy hầu hết SV (trên 3/4) có thể nhận biết và đánh giá được cấu trúc cơ bản và các yếu tố ngôn ngữ tạo nên một văn bản có tính thuyết phục. Hơn nữa, theo chương trình đào tạo, phần lớn SV (khoảng 80%) tin rằng họ có thể viết được một bài luận thuyết phục. Theo những người ủng hộ phương pháp sư phạm dựa trên thể loại, SV học tốt nhất khi được hướng dẫn rõ ràng về kiến thức thể loại vì như vậy có thể giúp các em đọc và viết thành thạo hơn. Phát hiện này phù hợp với phần lớn các nghiên cứu dựa trên thể loại hiện nay (Yasuda, 2011; Nagao, 2018).

### 4.2.2. SV đánh giá cao sự phát triển nhận thức về thể loại của riêng mình

Như có thể thấy trong hình 3 ở trên, đa số các SV đều rất đồng ý với mục tự đánh giá nhận thức về thể loại của họ và cho rằng họ có đủ năng lực trong việc phân

tích lập luận. Giờ đây, SV đã biết điều gì tạo nên thể loại thuyết phục hiệu quả vì họ đã học cách đánh giá khả năng thuyết phục bằng cách sử dụng các yếu tố thể loại sau khi hoàn thành lớp học. Điều này phù hợp với kết quả nghiên cứu của Nagao (2018, 2019), cho thấy sự hiểu biết của SV về cấu trúc chung và đặc điểm ngữ pháp từ vựng đã được cải thiện. SV trong nghiên cứu này cho thấy sự cải thiện trong khả năng nhận biết thể loại của họ thông qua việc phân tích cả đặc điểm ngôn ngữ và cấu trúc chung. SV có thể cải thiện khả năng viết của mình qua việc thường xuyên xem xét và phê bình bài viết của người khác.

#### 4.2.3. SV rất tự tin vào khả năng viết luận cứ chuẩn hóa

Một thành phần quan trọng khác để nâng cao khả năng của một người là sự tự tin. Lòng tự tin tăng lên dẫn đến nhận thức giá trị cao hơn ở con người. Hơn nữa, nó có thể truyền cảm hứng cho ai đó đánh giá cao và thừa nhận khả năng của chính họ. Những SV có mức độ tự tin thấp thường sẽ có chất lượng bài viết thấp hơn những SV tự tin vào khả năng viết của mình. Điều này là do SV tự tin viết nhanh hơn và mạch lạc hơn. 90% SV cảm thấy khá tự tin sau buổi học, điều này đã giúp họ nâng cao khả năng viết ở nhiều thể loại.

### V. Kết Luận

Theo kết quả khảo sát, có khoảng 80% SV tham gia có ý kiến tán thành về các nội dung trong bảng câu hỏi. Phần lớn SV có quan điểm tích cực về phương pháp sư phạm dựa trên thể loại vì họ đã nắm được cấu trúc chung và các yếu tố ngôn ngữ của thể loại, đồng thời có thể tạo ra các bài luận thuyết phục bằng cách sử dụng các hướng dẫn được cung cấp về sáng tác hợp tác và

đơn độc. Trong khi một số SV tiếp tục gặp khó khăn, vì các vấn đề của họ thường mang tính chất tâm lý hơn là ngôn ngữ, liên quan đến tổ chức văn bản, xây dựng sự tự tin và khả năng nắm vững các yếu tố ngôn ngữ. Tuy nhiên, trong suốt học kỳ, phương pháp dựa trên thể loại này với hoạt động nhóm do GV hướng dẫn đã gợi ý rằng khả năng viết của SV có thể được cải thiện./.

#### Tài liệu tham khảo

- [1]. Bernstein, B. (1975). Class and pedagogies: Visible and invisible. *Educational Studies*. 1 (1), 23-41.
- [2]. Butt, D., Fahey, R., Feez, S., Spinks, S., & Yallop, C. (2001). *Using Functional Grammar: An Explorer's Guide*. National Centre for English Language and Research.
- [3]. Carstens, A. (2009). The effectiveness of genre-based approaches in teaching academic writing: Subject-specific versus cross-disciplinary emphases, (Unpublished Doctoral dissertation). University of Pretoria, Africa.
- [4]. Chen, Y. S., & Su, S. W. (2012). A genre-based approach to teaching EFL summary writing.
- [5]. *ELT Journal*, 66(2), 184–192. <https://doi.org/10.1093/elt/ccr061>.
- [6]. Derewianka, B. (2003). Trends and issues in genre-based approaches. *RELC Journal*, 34(2), 133-154. Doi: 10.1177/003368820303400202.
- [7]. Nagao, A. (2019). The SFL genre-based approach to writing in EFL contexts. *Asian-Pacific Journal of Second and Foreign Language Education*, 4(6), 1-18. <https://doi.org/10.1186/s40862-019-0069-3>.
- [8]. Price, L., & Price, J. (2002). Why genres matter. *Hot text: Web Writing that Works* (pp. 272- 279). Berkeley, CA: New Riders.

- [10]. Raimes, A. (1983). *Techniques in Teaching Writing*. Oxford University Press.
- [11]. Srinon, U. (2011). Genre-based tasks in foreign language writing: Developing writers' genre awareness, linguistic knowledge, and writing competence. *Journal of Second Language Writing*, 20(2), 111-133. <https://doi.org/10.1016/j.jslw.2011.03.001>.
- [12]. Syarifah, E. F., & Gunawan, W. (2015). Scaffolding in the teaching of writing discussion texts based on SFL genre-based approach. *English Review: Journal of English Education*, 4(1), 39–53. <https://doi.org/10.25134/erjee.v4i1.306>.
- [13]. Viriya, C. & Wasanasomsithi, P. (2017). The effect of the genre awareness approach on development of writing ability. *International Forum of Teaching and Studies*, 13(1), 11-22.
- [14]. Williams, J. (2007). *Teaching Writing in Second and Foreign Language Classrooms*. Beijing: World Publishing Corporation.

## ANALYSIS OF UNIVERSITY OF ECONOMICS TECHNOLOGY FOR INDUSTRIES ESL STUDENTS' ATTITUDES TOWARD GENRE-BASED PEDAGOGY FOR PERSUASIVE WRITING FROM A SYSTEMIC FUNCTIONAL LINGUISTICS PERSPECTIVE

*Khieu Thi Huong<sup>†</sup>*

**Abstract:** *This study looks at the effects of genre-based pedagogy on students' perceptions and attitudes, which are important factors in teaching and learning activities. Specifically, the study aims to answer the question: "What are students' perceptions and attitudes towards the genre-based pedagogy developed in Vietnamese university students' persuasive writings?" The study used a four-point Likert scale questionnaire and interviews to gather data from thirty-four UNETI third-year students. The study concludes that the majority of participants had favorable opinions about each questionnaire item and had high regard for the genre-based teaching technique from six perspectives: the confidence to write an effective persuasive essay, the mastery of textual elements, the genre awareness of persuasion, attitudes toward group writing in the teaching instruction, the interest in extending the curriculum cycle to other genres, and other remarks related to program instruction, such as the difficulty of mastering certain necessary language features and adhering to the teaching patterns involved in the textual construction of persuasion.*

**Keywords:** *Perceptions, attitudes; systemic functional linguistics; impressions; and genre-based pedagogy.*

---

<sup>†</sup> University of Economics Technology for Industries